

Số: 2251 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 16 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính nhà nước
năm 2026 trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành
Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 5256/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của Chủ tịch Ủy
ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính nhà nước
thành phố Hải Phòng năm 2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 2448/SNV-
CCHC&PC ngày 11/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch kiểm tra công tác
cải cách hành chính nhà nước năm 2026 trên địa bàn thành phố Hải Phòng”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ,
Giám đốc các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và Thủ
trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ; Văn phòng Chính phủ;
- TTTU, TTHĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Phó CVP UBND TP;
- Báo và PTTH TP; CĐ ANHP;
- Công Thông tin điện tử thành phố;
- Trung tâm PVHCC TP;
- Các phòng: NV&KTGS, TH, HCQT;
- Lưu: VT, P.T.Anh.

CHỦ TỊCH



Đỗ Thành Trung



KẾ HOẠCH

**Kiểm tra công tác cải cách hành chính nhà nước năm 2026
trên địa bàn thành phố Hải Phòng**
(*Kèm theo Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 16/6/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố*)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Rà soát, đánh giá việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo chương trình kế hoạch, kết luận, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

- Đôn đốc, hướng dẫn, chấn chỉnh các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố về tiến độ, hiệu quả, chất lượng thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực cải cách hành chính (CCHC).

- Đánh giá những nội dung đã làm được, phát hiện kịp thời những sáng kiến, kinh nghiệm, mô hình hiệu quả để có phương án nhân rộng mô hình trong toàn thành phố.

- Đánh giá những nội dung chưa làm được, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện chỉ đạo của Trung ương và thành phố về công tác CCHC, qua đó xác định những vấn đề cần tập trung chỉ đạo hoặc bổ sung, điều chỉnh trong thời gian tiếp theo.

- Kết quả kiểm tra công tác CCHC là căn cứ đánh giá kết quả công tác CCHC năm 2026, xác định Chỉ số CCHC năm 2026 và là một trong những tiêu chí, cơ sở quan trọng để Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, đánh giá người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Yêu cầu:

- Hoạt động kiểm tra đảm bảo đúng pháp luật, chính xác, khách quan và trung thực; không làm cản trở hoạt động chuyên môn hàng ngày của cơ quan, tổ chức và cá nhân là đối tượng được kiểm tra.

- Kết hợp nội dung kiểm tra CCHC chuyên đề của các sở, ngành, trong đó chú trọng, tập trung hướng dẫn các nội dung công tác CCHC còn hạn chế, có khó khăn, vướng mắc. Kết thúc hoạt động kiểm tra năm 2026 phải kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo khắc phục, hoàn thiện những vấn đề còn tồn tại, bất cập; khẩn trương chấn chỉnh, xử lý những tập thể, cá nhân sai phạm nếu có.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra chỉ đạo chuẩn bị nghiêm túc, đầy đủ báo cáo, hồ sơ, tài liệu và các nội dung liên quan phục vụ hoạt động kiểm tra.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Kiểm tra theo Kế hoạch:

- Tình hình thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2026 của các cơ quan, đơn vị, địa phương; trong đó tập trung vào các nội dung về xây dựng, ban hành, triển khai kế hoạch CCHC; công tác tuyên truyền về CCHC; công tác kiểm tra, đôn đốc thực hiện...;

- Việc triển khai và kết quả tiến độ thực hiện các nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao.

- Việc thực hiện các quy định về phân cấp, ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực theo Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực.

- Đối với các sở, ngành là cơ quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố về các lĩnh vực CCHC, ngoài nội dung trên, có kiểm tra về trách nhiệm trong công tác tham mưu thực hiện tại Kế hoạch CCHC nhà nước thành phố Hải Phòng năm 2026.

- Tình hình và tiến độ, kết quả thực hiện công tác CCHC ở cơ quan, đơn vị, địa phương trên các lĩnh vực: Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách tổ chức bộ máy; Cải cách chế độ công vụ; Cải cách tài chính công; Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

- Các nội dung khác có liên quan đến công tác CCHC.

(Có Đề cương báo cáo kiểm tra kèm theo Kế hoạch này – Phụ lục I).

2. Kiểm tra đột xuất:

Trong trường hợp cần thiết, Trưởng đoàn kiểm tra chỉ đạo kiểm tra đột xuất một số sở, ngành, địa phương trong thực hiện CCHC và giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

3. Kiểm tra chuyên đề:

Các sở, ngành tiến hành kiểm tra chuyên đề tại các cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao; trường hợp cuộc kiểm tra chuyên đề do Sở, ngành thực hiện có sự trùng hợp về đối tượng và thời gian kiểm tra nêu tại Kế hoạch này thì thực hiện kiểm tra lồng ghép để tránh chồng chéo.

III. THỜI GIAN, THÀNH PHẦN ĐOÀN KIỂM TRA, PHƯƠNG PHÁP, ĐỐI TƯỢNG KIỂM TRA

1. Thời gian thực hiện kiểm tra: Từ tháng 7/2026 đến tháng 11/2026.

2. Thành phần Đoàn kiểm tra

a) Thành phần Đoàn kiểm tra của thành phố:

- Trưởng Đoàn: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố được giao phụ trách về công tác CCHC;

- Phó Trưởng đoàn Thường trực: Phó Giám đốc Sở Nội vụ;

- Phó Trưởng Đoàn: Lãnh đạo các sở, ngành: Khoa học và Công nghệ, Tư pháp, Tài chính, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thanh tra thành phố.

- Thành viên Đoàn kiểm tra gồm lãnh đạo, chuyên viên phòng chuyên môn các sở, ngành: Nội vụ, Khoa học và Công nghệ, Tư pháp, Tài chính, Thanh tra thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

- Thư ký Đoàn: Chuyên viên Phòng CCHC và Pháp chế, Sở Nội vụ.

b) Thành phần cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra:

- Đại diện lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra.

- Lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công (đối với cấp xã).

- Công chức, viên chức có liên quan đến các nội dung công tác CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Phương pháp kiểm tra:

3.1. Kiểm tra theo Kế hoạch, có thông báo trước:

- Đoàn kiểm tra thông báo lịch kiểm tra.

- Đoàn kiểm tra trực tiếp làm việc tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Đại diện cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra báo cáo và trao đổi với Đoàn kiểm tra những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra.

3.2. Kiểm tra đột xuất:

Kiểm tra tại trụ sở cơ quan, đơn vị, địa phương; các địa điểm giải quyết thủ tục hành chính, địa điểm tiếp công dân; các phòng, ban, bộ phận, đơn vị; kiểm tra tại địa điểm khác có liên quan.

4. Đối tượng kiểm tra:

a) Kiểm tra theo Kế hoạch

- Các sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.

(Danh sách cơ quan, đơn vị, địa phương kiểm tra kèm theo Kế hoạch này – Phụ lục II)

b) Kiểm tra đột xuất:

Ngoài các cơ quan, đơn vị, địa phương được thông báo trước, căn cứ tình hình thực tiễn, trên cơ sở đề xuất của Sở Nội vụ, Đoàn kiểm tra thực hiện kiểm tra đột xuất, không thông báo trước đối với một số các cơ quan, đơn vị, địa phương.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố và các sở, ngành có liên quan tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra của thành phố;

- Thông báo lịch kiểm tra cho các cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra; ban hành Thông báo kết luận kiểm tra.

- Bố trí phương tiện đi chung cho Đoàn kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả kiểm tra công tác CCHC nhà nước năm 2026 tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn thành phố.

2. Các Sở, ngành: Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thanh tra thành phố

- Cử lãnh đạo, công chức tham gia Đoàn kiểm tra của thành phố.

- Kiểm tra, hướng dẫn các nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Chủ động trao đổi, thống nhất với Sở Nội vụ để kết hợp nội dung kiểm tra CCHC chuyên đề của Sở, ngành (nếu có) với hoạt động kiểm tra của Đoàn kiểm tra để đảm bảo các nội dung kiểm tra CCHC chỉ thực hiện một lần tại mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương trong năm 2026.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra

- Xây dựng Báo cáo phục vụ kiểm tra theo đề cương gửi kèm Kế hoạch này, gửi Sở Nội vụ trước khi kiểm tra ít nhất 03 ngày làm việc.

- Báo cáo, cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin, tài liệu, nội dung theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra; bố trí lãnh đạo và công chức có liên quan làm việc trực tiếp với Đoàn kiểm tra.

4. Các cơ quan báo chí của thành phố:

Báo và Phát thanh truyền hình Hải Phòng, Cổng Thông tin điện tử thành phố phối hợp ghi hình, đưa tin phục vụ công tác tuyên truyền nội dung CCHC.

V. KINH PHÍ

Kinh phí hoạt động của Đoàn kiểm tra: Từ nguồn kinh phí CCHC năm 2026 bố trí cho hoạt động của cơ quan thường trực CCHC năm 2026.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC nhà nước năm 2026. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh qua Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết./.

Phụ lục I
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Phục vụ kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2026

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Công tác chỉ đạo điều hành

- Việc xây dựng, ban hành kế hoạch cải cách hành chính; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đơn đốc triển khai công tác cải cách hành chính (CCHC):
 - Việc bố trí nguồn lực triển khai (kinh phí và nhân lực).
 - Mức độ hoàn thành nhiệm vụ CCHC
 - + Tổng số nhiệm vụ trong kế hoạch: ... nhiệm vụ.
 - + Số nhiệm vụ đã hoàn thành: ... nhiệm vụ.
 - + Số nhiệm vụ đang thực hiện: ... nhiệm vụ.
- Nhiệm vụ Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố, Chủ tịch UBND thành phố giao năm 2026
 - + Tổng số nhiệm vụ được giao: ... nhiệm vụ.
 - + Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn: ... nhiệm vụ.
 - + Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn: ... nhiệm vụ.
 - + Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành: ... nhiệm vụ.
- Những sáng kiến và cách làm hay, những điển hình, mô hình tốt trong CCHC đã được triển khai áp dụng.
- Việc xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch kiểm tra CCHC lồng ghép với kiểm tra kỷ luật, kỷ cương công vụ.

2. Thông tin, tuyên truyền

- Việc xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch thông tin, tuyên truyền CCHC.
 - Kết quả thực hiện kế hoạch: nội dung thông tin, tuyên truyền; các hình thức thông tin, tuyên truyền đã triển khai; mức độ hoàn thành kế hoạch.

3. Việc thanh tra, kiểm tra, giám sát thường xuyên, định kỳ; Công tác tiếp công dân.

- Việc ban hành Quy chế về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.
 - Công tác chuẩn bị tiếp công dân, việc thực hiện tiếp công dân thường xuyên và định kỳ, đột xuất của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị.
 - Kết quả thực hiện việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị thuộc thẩm quyền.
 - Việc cập nhật phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo.

- Việc thực hiện chế độ bồi dưỡng cán bộ, công chức, người làm công tác tiếp công dân theo quy định tại Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố và các văn bản có liên quan.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- Kết quả tổ chức thi hành VBQPPL và theo dõi thi hành VBQPPL.
- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.
- Việc ban hành Kế hoạch và thực hiện công tác kiểm tra VBQPPL:
 - + Việc ban hành Kế hoạch kiểm tra VBQPPL;
 - + Tổng số VBQPPL đã thực hiện tự kiểm tra: văn bản;
 - + Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra: %;
 - + Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra (theo kết quả tự kiểm tra và kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền): văn bản;
 - + Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong: văn bản.
- Việc ban hành Kế hoạch và kết quả thực hiện công tác rà soát và hệ thống hóa VBQPPL:
 - + Việc ban hành Kế hoạch rà soát VBQPPL;
 - + Phối hợp thực hiện rà soát VBQPPL theo yêu cầu của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố;
 - + Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát: %;
 - + Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát: văn bản;
 - + Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã xử lý xong: văn bản.
- Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật tại các cơ quan, đơn vị.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Tổng số hồ sơ TTHC tiếp nhận.... Trong đó:
 - + Số hồ sơ đã giải quyết...
 - + Số hồ sơ đã giải quyết đúng hạn...; đạt tỷ lệ ...%.
 - + Số hồ sơ quá hạn...
 - + Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến ...
- Tỷ lệ thủ tục hành chính được đưa ra thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công %.
- Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình được cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia %.

- Tỷ lệ hồ sơ được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công %.

- Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi thành phố %.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương được cập nhật, xử lý trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố hoặc trên Hệ thống do Bộ, ngành Trung ương quản lý %.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia %.

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính %.

- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử %.

- Tỷ lệ dữ liệu thông tin thủ tục hành chính được khai thác, tái sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa và kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin %.

- Phản ánh, kiến nghị (PAKN) về tiếp nhận và giải quyết TTHC, trong đó:

+ Tổng số PAKN tiếp nhận....

+ Tổng số PAKN đã được giải quyết....

- Công tác truyền thông và sáng kiến, mô hình, giải pháp cải cách TTHC.

- Hình thức triển khai đo lường mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính (*Mức độ hài lòng tối thiểu 95%, trong đó lĩnh vực đất đai tối thiểu 90%*).

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị.

- Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị trực thuộc.

- Tình hình triển khai các quy định của Chính phủ, thành phố về tổ chức bộ máy.

- Tình hình quản lý biên chế.

- Tình hình triển khai thực hiện quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị.

b) Về thực hiện nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền

Thực hiện các quy định phân cấp tại địa phương theo Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 12/7/2025 của UBND thành phố triển khai thực hiện các Nghị định của Chính phủ về phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp cho các cơ quan, đơn vị, cá nhân trên địa bàn thành phố Hải Phòng:

- Rà soát, báo cáo, đề xuất các nội dung cơ quan Trung ương phân định thẩm quyền; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp, ủy quyền cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Số lượng cán bộ, công chức có mặt/chỉ tiêu được phân bổ.

- Chất lượng, trình độ cán bộ, công chức, viên chức.

- Kết quả kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

- Công tác văn thư, lưu trữ:

+ Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, triển khai, hướng dẫn về công tác văn thư, lưu trữ.

+ Lập hồ sơ công việc (ban hành Danh mục hồ sơ, số lượng hồ sơ công việc, tỷ lệ hồ sơ công việc được lập trên môi trường mạng, chất lượng hồ sơ công việc).

+ Thu thập hồ sơ về lưu trữ cơ quan;

+ Chính lý tài liệu;

+ Tổ chức khai thác và sử dụng tài liệu.

5. Cải cách tài chính công

- Về thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính tại các cơ quan hành chính nhà nước.

- Về thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tổng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc. Trong đó:

+ Số đơn vị thuộc nhóm 1 (*đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư*)...

+ Số đơn vị thuộc nhóm 2 (*đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên*)...

+ Số đơn vị thuộc nhóm 3 (*đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên*)...

+ Số đơn vị thuộc nhóm 4 (*đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên*)...

- Tổng thu/chi ngân sách địa phương....

- Tình hình giải ngân vốn đầu tư công....

- Triển khai các nội dung về việc nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI.

6. Về Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Việc ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của thành phố: Xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử.

b) Kết quả tổ chức thực hiện

- Về phát triển hạ tầng số quốc gia.
- Về phát triển nền tảng và hệ thống số quy mô quốc gia.
- Về phát triển dữ liệu số quốc gia.
- Về phát triển ứng dụng, dịch vụ nội bộ thuộc phạm vi quản lý của thành phố.
- Về phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp.
- Việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại cơ quan, đơn vị.
- Việc triển khai áp dụng Tiêu chuẩn TCVN ISO 18091:2020 tại cơ quan, đơn vị.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC CỦA ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

2. Những tồn tại, hạn chế

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Công tác chỉ đạo điều hành.
2. Về cải cách thể chế.
3. Về cải cách TTHC.
4. Về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước.
5. Về cải cách chế độ công vụ.
6. Về cải cách tài chính công.
7. Về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Với thành phố.
2. Với Bộ, ngành Trung ương

(Số liệu báo cáo tính từ 15/12/2025 đến thời điểm báo cáo).



Phụ lục II
DANH SÁCH CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG KIỂM TRA

1. Sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố:

- (1) Sở Xây dựng
- (2) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

2. Ủy ban nhân dân xã, phường:

- (1) Phường Thủy Nguyên
- (2) Phường Lê Chân
- (3) Phường Hưng Đạo
- (4) Phường Đông Hải
- (5) Phường Tân Hưng
- (6) Phường Ái Quốc
- (7) Phường Trần Liễu
- (8) Phường Hải Dương
- (9) Phường Thạch Khê
- (10) Xã Việt Khê
- (11) Xã Kiến Minh
- (12) Xã Kiến Thụy
- (13) Xã Quyết Thắng
- (14) Xã An Hưng
- (15) Xã Gia Lộc
- (16) Xã Tân Kỳ
- (17) Xã Khúc Thừa Dụ
- (18) Xã Lạc Phụng
- (19) Xã Thanh Miện
- (20) Xã Trường Tân
- (21) Xã Nam Thanh Miện
- (22) Xã Hà Nam
- (23) Xã Chí Minh
- (24) Xã Nguyễn Lương Bằng
- (25) Xã Thanh Hà

